

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2020.
V/v Tranh chấp dân sự về chia
thừa kế và đòi lại tài sản (*tiền cổ đất*).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai.
2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp dân sự về chia thừa kế và đòi lại tài sản (tiền cổ đất)*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2020/QĐST-DS, ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phước H - sinh năm: 1958.

Địa chỉ: số 76, tổ 9, rạch O, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Vân L1 - sinh năm: 1965. Địa chỉ: số 27/9, ấp P, xã T, TP S, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (*Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2019*).

2. Bị đơn: Anh Võ Sơn T - sinh năm: 1985.

Địa chỉ: số 76, tổ 9, rạch O, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. CỤ VÕ THỊ T1- sinh năm: 1929.

Địa chỉ: số 71, Rạch C, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. CHỊ VÕ THỊ THANH X - sinh năm: 1980.

Địa chỉ: số 389A, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. ÔNG LÊ VĂN C - sinh năm: 1968.

Địa chỉ: số 120A/TH, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà L, anh T, chị X và ông C có mặt tại phiên tòa, cụ T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phước H ủy quyền cho bà Lê Thị Vân L1 trình bày: Bà Nguyễn Thị Phước H và ông Võ Văn L, chung sống vợ chồng từ năm 1976 (*đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp*) và có 02 người con chung gồm: Chị Võ Thị Thanh X - sinh năm: 1980 và anh Võ Sơn T - sinh năm: 1985. Ngoài ra, ông L, bà H không còn người con nào khác (*kể cả con nuôi*).

- Ngày 10/10/2018, ông L chết, không để lại di chúc. Quá trình chung sống, ông Lùng và bà H có tạo lập được khối tài sản chung gồm:

1. Về đất: Phần đất có diện tích 7.008m², thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 35 và các thửa đất số 139, 141 và thửa số 150, cùng tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại xã Tân Quy Tây, thị xã (*nay là thành phố*) Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (*viết tắt là Giấy chứng nhận QSDĐ*) cấp cho hộ ông Võ Văn L có nguồn gốc là của cụ Võ Văn T2 (*chết ngày 06/10/2012*) là cha ông L (*mẹ là cụ Võ Thị T1*) tặng cho vào năm 1982 và cụ Nguyễn Văn L3 là cha của bà H tặng cho vào năm 1976. Năm 2004, ông L đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 27/9/2004; tại thời điểm cấp đất, hộ của ông L gồm có 03 người: Ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị Phước H và anh Võ Sơn T.

- Vào năm 2006, hộ ông L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phước C2 một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 35 có diện tích là 2.100m², còn lại diện tích 2.407m². Đến năm 2011, tiếp tục chuyển nhượng cho ông Lê Văn H1 phần diện tích còn lại 2.407m² thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 35. Tổng diện tích chuyển nhượng là 4.507m². Như vậy, phần đất của hộ ông L còn lại tổng diện tích là 2.501m², gồm các thửa đất số: 139 có diện tích 309m² đất thổ, thửa số 141 có diện tích 625m² đất lúa và thửa đất số 150 có diện tích 1.567m² đất lúa, cùng tờ bản đồ số 26 vẫn do hộ ông L đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ. Khi còn sống, ngày 27/3/2017, ông L và bà H đã cố phần đất này cho ông Lê Văn C với số tiền là 80 triệu đồng. Bà H và ông L sử dụng số tiền cố đất này để lo cho ông L trị bệnh và giao cho anh T 50 triệu đồng để làm ăn nhưng không có giấy tờ gì chứng minh về

việc giao tiền cho anh T. Hiện đất chưa chuộc lại, nhưng ông C đã cho anh Võ Sơn T thuê lại phần đất lúa thuộc thửa đất số 141 và thửa đất số 150, cùng tờ bản đồ số 26, tổng diện tích 2.192m²; hiện phần đất này do anh T đang quản lý và để đất trống, trên đất không có tài sản gì. Đối với phần đất thổ có diện tích 309m², thuộc thửa số 139, tờ bản đồ số 26 hiện có căn nhà số 76 (*nhà cấp 4*) do bà H đang quản lý, sử dụng.

2. Tài sản trên đất: Trên phần đất đang tranh chấp có căn nhà cấp 4 (*nhà số 76*), có kết cấu khung cột bê tông cốt thép + gỗ, vách tole, một phần tường gạch quét vôi, không đóng trần, nền gạch men và gạch tàu, mái tole được bà H và ông L xây dựng vào năm 2005, chi phí xây dựng từ tiền ông L chuyển nhượng đất cho ông H1, giá trị căn nhà là 53.985.000 đồng, theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 02/6/2020. Hiện căn nhà do bà H đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp còn có ngôi mộ của ông L và các cây trồng: Tre, tầm vong, xoài, sao, mận, bơ, vải, mít, vú sữa và cà na nhưng các bên thỏa thuận không tranh chấp và cũng không yêu cầu chia các tài sản có trên đất.

- Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và theo sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2020 thể hiện phần đất tranh chấp có tổng diện tích đo đạc thực tế là 2.719,1m² thừa so với Giấy chứng nhận QSDĐ được cấp là 218,1m²; thể hiện tại các mốc: M1 - M2 - M21 - M18 - M19 - M20 - M1 là phần sân trước nhà của bà H; phần đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông L. Do vậy, đối với phần đất nằm ngoài Giấy chứng nhận QSDĐ có diện tích 218,1m² thì bà H xác định đã quản lý sử dụng từ trước đến nay, không có ai tranh chấp nên có yêu cầu được chia theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, Bà H xác định các thửa đất số 139, 141 và thửa đất số 150, cùng tờ bản đồ số 26 có tổng diện tích là 2.501m², đo đạc thực tế là 2.719,1m², đây là tài sản chung của vợ chồng bà H và ông L cùng tạo lập.

- Do đó, nay bà H yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần đất có diện tích 2.501m² (*đo đạc thực tế là 2.719,1m²*) thuộc các thửa đất số 139, 141 và thửa đất số 150, cùng tờ bản đồ số 26 đã được Ủy ban nhân dân thị xã (*nay là thành phố*) Sa Đéc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn L. Cụ thể bà H yêu cầu được chia 5/8 tài sản và bà H yêu cầu được nhận hiện vật là phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 2.719,1m². Bà H đồng ý chia cho cụ T1, anh T và chị X mỗi người 1/8 giá trị đất có diện tích là 339,9m². Trong đó có 38.63m² đất thổ và 301.28m² đất lúa. Giá trị tài sản tranh chấp: Loại đất thổ có giá là 800.000 đồng/m² và loại đất lúa có giá 500.000 đồng/m² theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 02/6/2020.

- Đối với toàn bộ tài sản có trên phần đất đang tranh chấp là căn nhà số 76 (*nhà cấp 4*), tờ 9, rạch O, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (*hiện bà H đang quản lý, sử dụng*), ngôi mộ của ông L và một số cây trồng trên đất bà H đang quản lý, các đương sự đều thống nhất đồng ý giao toàn bộ các tài sản trên cho bà H tiếp tục quản lý sử dụng, không tranh chấp và cũng không yêu cầu chia các tài sản có trên đất.

- Về nghĩa vụ thanh toán tiền cổ đất của ông C: Bà H yêu cầu cụ Võ Thị T1, chị Võ Thị Thanh X và anh Võ Sơn T cùng liên đới trách nhiệm với bà H trả tiền nợ cổ đất cho ông Lê Văn C với số tiền là 80 triệu đồng (*bà H trả 50 triệu đồng; cụ T1, chị X và anh T mỗi người trả 10 triệu đồng*). Bà H yêu cầu ông C giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ cho bà H quản lý.

- Bà H thống nhất với Biên bản định giá tài sản, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ cùng ngày 02/6/2020 và các số liệu địa chính, diện tích đo đạc thực tế, vị trí, kích thước các cạnh theo sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2020, không có ý kiến gì. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh Võ Sơn T trình bày:

Anh T thống nhất theo lời trình bày của bà H về nguồn gốc đất tranh chấp cũng như những người trong hàng thừa kế của ông L, ngoài ra không còn người con nào khác. Ông L chết không để lại di chúc nên thống nhất yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Anh T thống nhất quá trình cấp đất và chuyển nhượng đất như bà H đã trình bày, nhưng sau khi chuyển nhượng đất thì ông L, bà H chỉ cho anh T 5.000.000 đồng. Đồng thời, từ trước đến nay bà H, ông L chuyển nhượng đất và sử dụng tiền chuyển nhượng anh T không được chia. Nay anh T xác định phần đất có diện tích 2.501m², thuộc các thửa đất số 139, 141 và thửa đất số 150, cùng tờ bản đồ số 26 (*đo đạc thực tế là 2.719,1m²*) cấp cho hộ ông Võ Văn L gồm có: Ông L, anh T, bà H và anh T là thành viên trong hộ, do đó không đồng ý việc bà H yêu cầu chia 5/8 cho bà H.

- Trước đây anh T yêu cầu chia 1.000m² phần đất có căn nhà số 76 cho anh T vị trí tại các mốc: M1 - M2 - M3 - M4 - M5 - M15 - M23 - M22 - M21 - M20 - M1 và phần đất có diện tích 314,7m² thể hiện tại các mốc: M6 - M7 - M34 - M24 - M32 - M14 - M6. Lý do là đất cấp cho hộ gồm có 03 người, trường hợp yêu cầu nhiều hơn suất thừa kế thì đồng ý trả giá trị phần thừa so với suất thừa kế cho những người thừa kế khác.

- Tại phiên tòa, anh T xác định yêu cầu nhận giá trị Quyền sử dụng đất cụ thể 1.000m² loại đất lúa với giá 800.000 đồng/m² và 150m² loại đất thổ với giá 1.200.000 đồng/m².

- Đối với các tài sản khác có trên đất tranh chấp gồm: Căn nhà, ngôi mộ của ông L và một số cây trồng như: Tre, tầm vong, xoài, sao, mận, bơ, vải, mít, vú sữa và cà na, anh T đồng ý giao toàn bộ các tài sản trên cho bà H quản lý sử dụng; anh T xác định là không tranh chấp và cũng không yêu cầu chia đôi với các tài sản có trên phần đất đang tranh chấp.

- Đối với tiền cổ đất của ông C: Anh T không đồng ý trả cho ông C; do anh T không có giao dịch và không có sử dụng số tiền này. Tiền cổ đất là do bà H sử dụng thì bà H phải có trách nhiệm trả toàn bộ cho ông C với số tiền là 80 triệu đồng. Trường hợp bà H đồng ý chia đôi tài sản thì anh T đồng ý trả cho ông C số tiền là 20 triệu đồng.

- Anh T thống nhất với Biên bản định giá tài sản, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ cùng ngày 02/6/2020 và các số liệu địa chính, diện tích đo đạc thực tế,

vị trí, kích thước các cạnh theo sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2020, không có ý kiến gì. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Võ Thị T1 (có đơn xin vắng mặt) và chị Võ Thị Thanh X trình bày: Cụ T1 và chị X cùng thống nhất theo lời trình bày của bà H về nguồn gốc đất tranh chấp cũng như những người trong hàng thừa kế của ông L. Ông L chết không để lại di chúc nên cụ T1, chị X cùng thống nhất đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Nay cụ T1 và chị X xác định cùng thống nhất đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế của bà H. Cụ T1 và chị X đồng ý nhận giá trị phần di sản thừa kế mà bà H chia diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 339,9m²; đồng ý giao đất cho bà H quản lý, sử dụng.

- Đối với các tài sản khác có trên phần đất đang tranh chấp gồm: Căn nhà, ngôi mộ của ông L và một số cây trồng như: Tre, tầm vong, xoài, sao, mận, bơ, vải, mít, vú sữa và cà na thì cụ T1 và chị X cùng thống nhất đồng ý giao toàn bộ các tài sản trên cho bà H quản lý sử dụng; cụ T1 và chị X cùng thống nhất xác định là không tranh chấp và cũng không yêu cầu chia đối với các tài sản có trên phần đất đang tranh chấp.

- Đối với tiền cổ đất của ông C: Chị X đồng ý liên đới trả lại cho ông C số tiền là 10 triệu đồng. Riêng cụ T1 không đồng ý liên đới trả lại cho ông C số tiền 10 triệu đồng vì bà T1 không có sử dụng và đã cao tuổi.

- Cụ T1 và chị X cùng thống nhất với Biên bản định giá tài sản, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ cùng ngày 02/6/2020 và các số liệu địa chính, diện tích đo đạc thực tế, vị trí, kích thước các cạnh theo sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2020, không có ý kiến gì. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn C trình bày: Vào năm 2017, bà H và ông L có cổ phần đất thổ và lúa thuộc các thửa đất số 139, 141 và thửa đất số 150, cùng tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc với tổng diện tích là 2.501m², hình thức thế chấp là giao đất và giao bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ để nhận số tiền là 80 triệu đồng và hiện ông C đang giữ bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ. Hiện bà H đang quản lý phần đất thổ thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 26. Cũng vào năm 2017, ông C đã cho anh Võ Sơn T thuê lại phần đất lúa thuộc thửa số 141 và thửa số 150 cùng tờ bản đồ số 26, do đó đất anh T đang quản lý.

- Đối với hợp đồng thuê đất giữa ông C và anh T; ông C xác định là không có tranh chấp và cũng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này (*ông C và anh T tự thỏa thuận với nhau*); trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

- Nay ông C yêu cầu bà H và những người thừa kế của ông L đang tranh chấp chia thừa kế có liên quan đến phần đất đã cố cho ông C phải có trách nhiệm trả lại cho ông C số tiền đã cố đất là 80 triệu đồng; ông C sẽ giao trả lại Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông L. Ngoài ra, ông C không còn yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Võ Thị T1.

- Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phước H:

- Giao toàn bộ phần đất có diện tích 2.719,1m² và các tài sản gắn liền với đất cho bà H được quyền quản lý, sử dụng theo sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S.

- Bà H có trách nhiệm trả giá trị theo các suất thừa kế cho các đồng thừa kế cụ T1, anh T và chị X mỗi người được nhận: 181.531.250 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C:

- Buộc bà Nguyễn Thị Phước H, cụ Võ Thị T1, anh Võ Sơn T và chị Võ Thị Thanh X cùng liên đới trách nhiệm trả số tiền cổ đất 80 triệu đồng cho ông Lê Văn C (*Bà H 50 triệu đồng; riêng cụ T1, anh T và chị X mỗi người 10 triệu đồng*).

- Ông C có nghĩa vụ giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên cho bà H quản lý.

- Về án phí, chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Võ Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phước H về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế là 2.719,1m², đất thuộc các thửa số 139, 141 và thửa số 150, cùng tờ bản đồ số 26 được Ủy ban nhân dân thị xã (*nay là thành phố*) Sa Đéc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn L. Cụ thể bà H yêu cầu được chia 5/8 di sản thừa kế là phần đất do ông L chết để lại chưa chia (*trong đó 4/8 là tài sản của bà H được hưởng trong khối tài sản*

chung của vợ chồng bà H, ông L và 1/8 là di sản thừa kế mà bà H được hưởng trong phần di sản của ông L). Bà H yêu cầu được nhận hiện vật là phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 2.719,1m², được thể hiện tại các mốc: M1 - M2 - M3 - M4 - M5 - M15 - M16 - M29 - M17 - M18 - M19 - M20 - M1 và các mốc: M6 - M7 - M27 - M9 - M10 - M11 - M24 - M12 - M13 - M14 - M6 (theo sơ đồ đo đạc xác nhận ngày 07/07/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc). Bà H đồng ý chia cho cụ T1, anh T và chị X mỗi người được hưởng 1/8 di sản thừa kế của ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về nguồn gốc đất: Các bên đương sự đều thống nhất xác định phần đất đang tranh chấp thừa kế là do cha của ông L và bà H tặng cho vào năm 1976 và năm 1982. Như vậy tình tiết này đã được các bên thừa nhận không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được xác định là tình tiết có thật.

[4] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Ông L chết vào ngày 10/10/2018 nên thời điểm mở thừa kế được xác lập là ngày 10/10/2018. Ngày 12/12/2019, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phước H có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông L chết để lại chưa chia; căn cứ vào Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015, thì yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Về chia di sản thừa kế và thực hiện nghĩa vụ của ông L:

- Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Phần đất đang tranh chấp có diện tích là 2.501m², gồm các thửa đất số: 139 có diện tích 309m² đất thổ, thửa số 141 có diện tích 625m² đất lúa và thửa đất số 150 có diện tích 1.567m² đất lúa, cùng tờ bản đồ số 26; đo đạc thực tế là 2.719,1m² có nguồn gốc của vợ chồng ông L, bà H được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà H (mỗi người là 1/2 tài sản).

- Qua đo đạc thực tế phần đất đang tranh chấp có diện tích là 2.719,1m² nên phần tài sản của bà H trong khối tài sản chung là: 1.359,55m² (2.719,1m² chia làm 02 phần). Phần còn lại có diện tích là 1.359,55m² được xác định là di sản của ông L để lại, do ông L chết không để lại di chúc nên sẽ được chia đều cho những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm 04 người: Cụ T1, bà H, anh T và chị X; cụ thể mỗi người được chia 339,88m²/người (1.359,55 chia làm 04 phần).

- Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận vào năm 2017, ông L và bà H có hợp đồng cổ đất cho ông Lê Văn C và hiện còn nợ số tiền cổ đất là 80 triệu đồng; bà H xác định là bà H chịu 1/2 nghĩa vụ với số tiền là 40 triệu đồng (80 triệu đồng chia 2); còn lại số tiền 40 triệu đồng là nghĩa vụ của người chết là ông L để lại. Ông C có yêu cầu độc lập yêu cầu bà H và hàng thừa kế thứ nhất của ông L cùng liên đới trách nhiệm trả lại số tiền cổ đất là 80 triệu đồng.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 615 của Bộ luật dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại: “1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại...”.

- Do đó, xét yêu cầu của ông C yêu cầu trả lại số tiền cổ đất 80 triệu đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xác định đây là nghĩa vụ do ông L chết để lại nên những người thừa kế của ông L phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trước khi chia thừa kế, sau khi cản trừ nghĩa vụ, phần còn lại sẽ được chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật nên việc cụ T1 và anh T không đồng ý liên đới cùng với bà H trả tiền cổ đất của ông L cho ông C nhưng lại có yêu cầu chia thừa kế di sản của ông L chết để lại là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về giá trị tài sản tranh chấp: Theo biên bản định giá tài sản ngày 02/6/2020, các bên đương sự cùng thống nhất phần đất tranh chấp trị giá là 1.452.250.000 đồng (*trong đó 1/2 phần tài sản thuộc sở hữu của bà H có giá trị là 726.125.000 đồng, phần di sản của ông L có giá trị là 726.125.000 đồng*).

- Tuy nhiên, về phía cụ T1, anh T và chị X yêu cầu được nhận giá trị quyền sử dụng đất, bà H đồng ý nhận toàn bộ di sản thừa kế của ông L và đồng ý chia giá trị suất thừa kế cho các thừa kế khác nên Hội đồng xét xử giao cho bà H thừa kế các phần đất tranh chấp trên; đồng thời bà H có nghĩa vụ trả giá trị cho những người được thừa kế 01 suất thừa kế theo quy định sau khi khấu trừ nghĩa vụ trả 80 triệu đồng tiền cổ đất cho ông C; cụ thể, bà H chia thừa kế cho cụ T1, anh T và chị X mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế là 171.531.250 đồng.

- Bà H có trách nhiệm trả lại tiền cổ đất cho ông C 80 triệu đồng.

- Ông C có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ đối với các thửa đất số 139, 141 và thửa đất số 150, cùng tờ bản đồ số 26, có tổng diện tích là 2.501m², đất tọa lạc tại xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc do (*hộ*) ông Võ Văn L đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ.

- Đối với toàn bộ tài sản có trên phần đất đang tranh chấp: Căn nhà số 76 (*nhà cấp 4*), tổ 9, rạch O, ấp T, xã T, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (*hiện bà H đang quản lý, sử dụng*), ngôi mộ của ông L và một số cây trồng trên đất các bên đương sự cùng xác định là không tranh chấp, không yêu cầu chia và đồng ý giao toàn bộ các tài sản có trên đất cho bà H được tiếp tục quản lý sử dụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H, cụ T1, anh T và chị X phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản (*suất thừa kế*) được chia. Tuy nhiên, do bà H và cụ T1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông C do yêu cầu độc lập của ông C được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà H tự nguyện nộp toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản là 9.493.000 đồng; đã nộp và chi xong.

[9] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 và khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 615, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 và Điều 33, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phước H về việc yêu cầu chia thừa kế.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn C.

- Buộc cụ Võ Thị T1, anh Võ Sơn T và chị Võ Thị Thanh X giao cho bà Nguyễn Thị Phước H được quyền quản lý, sử dụng thừa kế phần đất có tổng diện tích đo đạc thực tế là 2.719,1m² (*diện tích được cấp giấy là 2.501m²*), gồm các thửa đất số: 139 có diện tích 309m² đất thổ, thửa số 141 có diện tích 625m² đất lúa và thửa đất số 150 có diện tích 1.567m² đất lúa, cùng tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; được thể hiện tại các mốc: M1 - M2 - M3 - M4 - M5 - M15 - M16 - M29 - M17 - M18 - M19 - M20 - M1 và các mốc: M6 - M7 - M27 - M9 - M10 - M11 - M24 - M12 - M13 - M14 - M6 (*theo sơ đồ đo đạc xác nhận ngày 07/07/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc*). Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Võ Văn L ngày 27/9/2004 (*hiện đất bà H và anh T đang quản lý*).

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Võ Sơn T, cụ Võ Thị T1 và chị Võ Thị Thanh X tự nguyện giao cho bà Nguyễn Thị Phước H được quyền quản lý, sử dụng thừa kế căn nhà số 76 (*nhà cấp 4*), tổ 9, rạch O, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (*hiện bà H đang quản lý, sử dụng*), ngôi mộ của ông L và một số cây trồng có trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố S.

- Buộc ông Lê Văn C có trách nhiệm giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Phước H bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (*số vào sổ: 01216*

QSDĐ/3048/QĐ.UB.NĐ) do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Võ Văn L ngày 27/9/2004.

- Bà Nguyễn Thị Phước H có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

(Có Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản cùng ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc và Sơ đồ đo đạc xác nhận ngày 07/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S kèm theo).

- Buộc bà Nguyễn Thị Phước H có trách nhiệm chia thừa kế cho cụ Võ Thị T1, anh Võ Sơn T và chị Võ Thị Thanh X mỗi người một suất thừa kế trị giá là: 171.531.250 (Một trăm bảy mươi một triệu, năm trăm ba mươi một ngàn, hai trăm năm mươi) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Phước H có trách nhiệm trả tiền cổ đất cho ông Lê Văn C số tiền là: 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Phước H và cụ Võ Thị T1.

- Anh Võ Sơn T nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là: 8.576.500 (Tám triệu, năm trăm bảy mươi sáu ngàn, năm trăm) đồng.

- Chị Võ Thị Thanh X nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là: 8.576.500 (Tám triệu, năm trăm bảy mươi sáu ngàn, năm trăm) đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Lê Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu số: 0008273, ngày 17/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Phước H tự nguyện nộp toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản là: 9.493.000 (Chín triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn) đồng; bà H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Võ Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS TP. S;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh